

**§1. NHẬT KÝ TRONG TÙ – Hồ Chí Minh****\* Lời bình:**

• “Ồ Bác, tấm lòng yêu đời cơ hồ như không có sức gì dập tắt nổi. Sáng tinh mơ đã phải lên đường theo chân bọn lính, thế mà Bác vẫn tìm thấy một nguồn cảm hứng lớn khiến cảnh bình minh trong một ngày bỗng có cái khí thế của cảnh bình minh chung cho một thời đại”. (*Hoài Thanh*)

• Nhưng trùm lên tất cả, “tự do” đã trở thành ý chí, nghị lực, ước ao và hi vọng để Hồ Chí Minh vượt qua những tháng ngày đặng đặng trong nhà ngục tối, giành lại quyền sống đích thực cho mình.

... Muốn “tinh thần ở ngoài lao” thì phải vượt được những bó buộc rất cụ thể ở trong tù, phải có những cuộc “vượt ngục”, đến nỗi có lúc Bác quên cả nhà tù, coi nhà tù như không, mình là người tự do: *Còn lại trong tù khách tự do*

... Hành động ngắm trăng là hành động “vượt ngục”. Với một tâm hồn biết thưởng thức trăng trong một hoàn cảnh như thế thì nhà tù nào cũng bất lực. (*Vũ Quần Phương*)

• Căn cứ vào cách viết, trong bài *Giải đi sớm* có một sự hoà hợp kì diệu giữa bút pháp tượng trưng với bút pháp hiện thực. Tiếng gà cầm canh, trăng sao trên rặng núi, người tù bị giải giữa lúc đêm khuya, gió rét tấp vào mặt Người rồi đến ánh sáng ban mai, hơi ẩm tràn lan khắp mặt đất; đó là sự thực. Nhưng cũng là những tượng trưng rất đẹp và rất hào hùng. Cả tạo vật đang hoạt động dưới bước chân và trong tâm hồn của người chiến sĩ... đường khổ ải của người tù là đường đấu tranh của người chiến sĩ và gió thu cũng chính là những đợt thử thách gian lao; thế rồi cả một phương đông sáng rực, màu trắng biến thành màu đỏ, cách mạng thắng lợi đang quét sạch những tàn dư của bóng tối ban đêm. Và trời đất là cả một hơi ấm để đưa con người tới mục đích thắng lợi và tới cõi thơ.

(*Theo Đặng Thai Mai*)

**§2. TÂY TIẾN – Quang Dũng**

**\* Lời bình và tư liệu** “Mở đầu bài thơ là một nỗi nhớ da diết, trang trải cả một không gian, thời gian mệnh mang: *Sông Mã xa rồi... trong đêm hơi*

Rồi cứ thế nỗi nhớ đồng đội ấy lan toả, thấm đượm nồng nàn trên từng câu thơ, khổ thơ. Có thể nói toàn bộ bài thơ được xây dựng trên cảm hứng thương nhớ triền miên với bao kỷ niệm chồng chất, ào ạt xô tới. Vì yêu vì nhớ mà những gì nhỏ bé đơn sơ nhất trong cuộc sống đời lính thường ngày cũng hóa thành gần gũi, ấm lòng.

... Con người và cảnh vật rừng núi miền Tây Tổ quốc được Quang Dũng tái hiện ở một khoảng cách xa lạ hư ảo với kích thước có phần phóng đại khác thường. Từng mảng hình khối, đường nét, màu sắc chuyển đổi rất mau, bất ngờ trong một khung cảnh núi rừng bao la, hùng vĩ như một bức tranh hoành tráng.

Trong *Tây Tiến* hiện lên khung cảnh thiên nhiên hoang sơ, kì vĩ với đủ cả núi cao, vực thẳm dốc đứng, thác gầm cùng cồn mây heo hút, dòng lũ hoa trôi với khói lên, sương lấp, mưa xa khơi... Hình ảnh những người lính Tây Tiến qua nét vẽ Quang Dũng cũng thật khác thường...

Có thể nói *Tây Tiến* – đó chính là tượng đài bằng thơ bất tử mà nhà thơ với cả tấm chân tình đã dựng nên để tưởng niệm những người chiến sĩ vô danh đã hi sinh vì nước, cũng

là để tưởng niệm cả một thế hệ thanh niên ưu tú của dân tộc sau Cách mạng tháng Tám đã hăm hở ra đi giữ nước và nhiều người đã không trở về !*(Theo Phong Lan)*

**Lời kể của Quang Dũng :**

Đầu năm 1947, đã thành lập trung đoàn Tây Tiến đầu tiên, gồm các chiến sĩ tình nguyện của khu III, khu IV và tự vệ thành Hà Nội trước thuộc trung đoàn Thủ đô... Nhiệm vụ của chúng tôi là mở đường, qua đất Tây Bắc... Chúng tôi xuất phát từ Sơn Tây. Lúc đầu rất đàng hoàng. Đi bằng ô tô... Sau chúng tôi chuyển sang hành quân bằng đôi chân, thực sự nếm mùi Tây Tiến, mở rừng, ăn rừng, ngủ rừng. Những cái dốc thăm thẳm “heo hút cồn mây súng ngửi trời”, những chiều “ oai linh thác gầm thét”, những đêm “ Mường hịch cộc trêu người”, rồi rải rác biên cương những nắm “ mồ viễn xứ” ... tôi mô tả trong bài thơ Tây Tiến là rất thực, có pha âm hưởng *Nhớ rừng* của Thế Lữ và vô tình sau này tôi mới nhận ra. Trong bài thơ *Tây Tiến*, tôi còn viết “ Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc”. Hồi ấy trong đoàn chúng tôi rất nhiều người sốt rét trọc cả đầu...

Tôi muốn gợi thêm một ý của bài thơ *Tây Tiến* để nói lên cái gian khổ, thiếu thốn của miền Tây. Ngay cả khi nằm xuống, nhiều tử sĩ cũng không đủ manh chiếu liệm. Nói “áo bào thay chiếu” là cách nói của người lính chúng tôi mượn cách nói ước lệ của thơ trước đây để an ủi những đồng chí của mình đã ngã xuống.

Bài thơ *Tây Tiến* tôi làm khi về dự Đại hội toàn quân ở liên khu III, làng Phù Lưu Chanh (tên một tổng của Hà Nam thời Pháp). Tôi làm bài thơ rất nhanh. Làm xong đọc trước đại đội, được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt... Hồi đó, tấm lòng và cảm xúc của mình ra sao thì viết vậy. Tôi chả có chút lý luận gì về thơ cả. Dẫu sao bài thơ *Tây Tiến* có cái hào khí một thời lãng mạn gắn với lịch sử kháng chiến anh dũng của dân tộc.

*( Vũ Văn Sĩ ghi – Văn nghệ Quân đội )*

**§3. BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG – Hoàng cầm**

\* Lời tư bạch “Tôi viết Bên kia sông Đuống” :Đêm nay, trên cái đất Thái Nguyên còn xa lạ này, tôi bồn chồn nhớ vợ con... Tôi đang lan man nhớ nhà, nhớ cái làng Lạc Thổ cổ kính của tôi, cả cái xóm Đông Hồ với những cô gái quét từng lớp điệp trắng ngà lên giấy làng Bưởi để in tranh gà lợn; nhớ nhiều nữa, loáng thoáng mà ngậm ngùi... Thì được mời sang nghe báo cáo về chiến sự vùng quê... Ở đâu, nơi nào địch bắt đi bao nhiêu phụ nữ, thanh niên. Nơi nào, dân bị tàn sát nhiều ít, ngôi chùa nào bị đại bác phá sập, ngôi đình nào chúng lập sở chỉ huy... Tôi càng nghe, bụng dạ càng cồn cào xao động. Có lúc hình như tôi bật khóc, có lúc ngồi nghe mà cứ run run lên vì căm giận và thương cảm.

Lúc tôi về đến nhà, trời đã khuya lắm... Tôi cống quít hấp tấp dưới ánh sáng chập chờn lung lay của ngọn đèn dầu sủ. Hình như bao nhiêu nỗi niềm ngổn ngang, xót xa, thổn thức, bao nhiêu tiếng hát buồn lời ru con nảo ruột, những tiếc hận, thương nhớ cứ cuộn cuộn tuôn trào ra.....Trong khoảnh khắc dào dạt ấy tôi không bố cục gì, không định ý, không cấu tứ gì cả, đến từ ngữ cũng tự nhiên bật ra theo dòng chảy của cảm xúc.

Bài thơ, đúng là một bài thơ tự nhiên, không vào một “thi pháp” nào như tôi đã kể ở trên, nên cũng thật sự là có vẻ lòng thông, tự sự dầy cà ra dầy mượt.

*(Hoàng Cầm – Báo văn nghệ)*

**§4. ĐẤT NƯỚC – Nguyễn Đình Thi**

\* Lời bình:

• Ở bài *Đất nước*, chúng ta nên đi sâu hơn vào những mảng tâm trạng của tác giả. Mảng đầu tiên là những gợi nhớ về Hà Nội, gợi nhớ bắt đầu từ thời tiết “*Sáng mát trong như sáng năm xưa*”. Sáng năm xưa ấy là ở Hà Nội, chớm lạnh, đầy hương cốm mới, phố phường như dài ra trong hơi gió heo may xao xác. Những chi tiết khởi gợi của gió đầu mùa có cái gì rất nhớ nhung, rất xa vắng...

Mảng tâm trạng thứ hai: Tâm trạng trước hiện thực ở Việt Bắc. Giọng thơ vui, câu thơ ngắn như tiếng reo, có cái phần chấn hồ hởi, gợi lên một không gian rộng, mới mẻ nhiều hoạt động... không khí thu trong biếc nên các âm thanh trở nên vang vọng ngân nga, tiếng nói cười trở nên thiết tha khác lạ. (*Vũ Quần Phương*)

• Nguyễn Đình Thi với bài thơ *Đất nước* (trò chuyện với nhà thơ). Khi bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi ra đời, trong giới thơ có nhiều ý kiến khác nhau. Phải chăng *Đất nước* được sáng tác không theo phương pháp cổ điển truyền thống, mà cũng không theo phong cách thơ mới. Phải chăng nó phóng túng quá mà trở nên xa lạ... Nguyễn Đình Thi không chịu bó mình trong khuôn phép cũ, anh muốn tìm một cách thể hiện mới, anh muốn thơ phải gợi được nhiều cách cảm thụ khác nhau.

Nguyễn Đình Thi thai nghén *Đất nước* từ những năm đầu kháng chiến cùng với những ca khúc *Diệt phát xít*, *Người Hà Nội*, nhưng hai ca khúc thì được sáng tác ngay, còn bài thơ mãi đến năm 1955, hòa bình lập lại, mới ra đời.

... Nguyễn Đình Thi sôi nổi giải thích: Anh đã viết với một tình yêu say đắm cái vẻ đẹp hùng vĩ và rất thơ mộng của đất trời Việt Nam. Không chỉ thế, anh còn viết với cả những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi ấu thơ và cả một thời trai trẻ mê say nồng nhiệt. Anh nhớ lại năm 13,14 tuổi, cậu thiếu niên học sinh Hà Nội Nguyễn Đình Thi đã nhiều lần nằm dưới gốc cây bên Hồ Tây ngửa mặt ngắm trời xanh hàng buổi không chán với biết bao khát vọng đẹp đẽ. Rồi những buổi mê mải chơi bên bờ sông Hồng, ngụp lặn giữa sông mát lạnh nặng phù sa. Và những năm kháng chiến gian khổ, gắn bó với núi rừng Việt Bắc, và xa hơn nữa, còn có cả sự gắn bó với một miền rừng núi biên giới Lào – Thái Lan, nơi anh sinh ra và sống ở đó đến năm, sáu tuổi.

Với lời bình, “... kĩ thuật phối âm mới lạ, cái hay của Nguyễn Đình Thi là tổng hợp được các tiết điệu khác nhau và phân phối các âm bằng trắc một cách sáng tạo”, anh Thi cho đây là một nhận xét tinh. (*Theo Đào Khương*)

### **§5. VIỆT BẮC – Tố Hữu**

- Nhà thơ chào Việt Bắc trước khi về xuôi. Anh gọi Việt Bắc là mình, như một người yêu, hay đúng hơn, như một người bạn đời đã cùng nhau gánh vác nhiều khó nhọc, chia sẻ nhiều vui buồn, nhiều tình và nhất là nhiều nghĩa với nhau. Cái nghĩa ấy từ những ngày còn gian khổ nhất của mười mấy năm trước khi lực lượng cách mạng mới nhóm lên giữa rừng thiêng, những ngày chiến khu Việt Minh, “*miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai*”. Những người dân Việt Bắc cực khổ là những người trung thành nhất với cách mạng... Giữa đời sống gian khổ, cái tình nghĩa cách mạng là ấm áp nhất, đẹp nhất. Cái nghĩa tình từ thuở đầu cách mạng ấy càng sâu sắc hơn trong kháng chiến. Những người dân Việt Bắc sống vẫn chặt vật vô cùng giữa thiên nhiên lộng lẫy mà gay gắt. Nhà thơ nhìn thấm thía vào cái anh dũng thầm lặng hàng ngày của quần chúng lao động.

*Thương nhau chia củ sắn lùi*

... *Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô*

Và nụ cười thương yêu của nhà thơ bỗng gặp hình ảnh cô em gái hái măng một mình như làm sáng cả rừng núi.

... Khi Tố Hữu làm thơ về những phiên họp của Chính phủ, câu thơ trang trọng và sang sảng, đầy ánh sáng của buổi trưa rực rỡ trong tâm hồn nhà thơ. Ánh sáng ấy dẫn đến một đoạn kết, mà có lẽ là cái nút động của cả bài thơ khi nhìn về “*mười lăm năm ấy*”:

*Ở đâu u ám quân thù*

*Nhìn lên Việt Bắc: cụ Hồ sáng soi*

*... Quê hương cách mạng dựng nên Cộng Hòa*

(Theo Nguyễn Đình Thi)

*Mình đi mình có nhớ chăng*

*Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?*

... Linh hồn của câu động ở ba chữ *mình*. Hai chữ *mình* trước ngôi thứ hai đã đành, chữ *mình* sau cũng là ngôi thứ hai. Lại nhất là đại từ *mình* ngôi thứ hai này. Trong ca dao không gặp kiểu đại từ đổi ngôi như vậy. Câu thơ vốn có gốc rễ sâu xa trong ca dao của dân tộc bỗng vụt lớn lên, mới mẻ, hiện đại. Nói nôm na ra là *anh đi anh có nhớ anh không?*... Câu hỏi thật sâu nặng nghe mà giật mình. Ca dao chỉ đòi nhớ em thôi. Vậy mà Tố Hữu đã thêm hương thêm sắc cho chữ tình. Và chủ đề sâu sắc của bài thơ lộ ra một cách kín đáo, chứ không đợi đến những câu ướm hỏi dè chừng sau này. (Theo Nguyễn Đức Quyền)

#### **§6. KÍNH GỬI CU NGUYỄN DU – Tố Hữu**

Sinh thời Nguyễn Du từng tự hỏi không biết ba trăm năm sau có ai người tri kỉ vì mình mà nhỏ nước mắt không. Từ đó đến nay chưa đến ba trăm năm. Nhưng những người có thể gọi là tri kỉ của nhà thơ, những người hiểu rõ những đau xót, căm giận, ước mơ và cả những băn khoăn bế tắc của Nguyễn Du, những người rất yêu quý cái tài và lại càng yêu quý hơn nữa cái tình của Nguyễn Du, những người ấy có đến hàng triệu. Những người ấy hôm nay không nhỏ nước mắt khóc Nguyễn Du mà rất phấn khởi kỉ niệm Nguyễn Du, lắng nghe lại tiếng nói sâu sắc của Nguyễn Du, trong khi tiếng súng chống Mĩ cứu nước vẫn nổ giòn suốt từ Nam chí Bắc.

... Giữa lúc cuộc chiến đấu chống Mĩ đang diễn ra ác liệt trên cả hai miền, Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ thị tổ chức trọng thể lễ kỉ niệm Nguyễn Du trong cả nước và theo đề nghị của Hội đồng hòa bình thế giới, lần đầu tiên một danh nhân văn hóa Việt Nam được kỉ niệm ở nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mĩ. Trong một bài thơ viết vào dịp ấy, Tố Hữu sau khi phê phán cái nhìn tối tăm không lối thoát của Nguyễn Du, đã hết lời ca ngợi tấm lòng ưu ái của nhà thơ và đối với tiếng thơ Nguyễn Du đã có một sự đánh giá cao, xưa nay chưa từng thấy: *Tiếng thơ ai động đất trời*

*Nghe như non nước vọng lời nghìn thu*

*Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du*

*Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày*

(Kính gửi cụ Nguyễn Du)

Tố Hữu đã nói lên tất cả tấm lòng yêu quý và biết ơn của chúng ta với nhà thơ cổ điển lớn nhất trong văn học Việt Nam. Đúng là tiếng thơ ấy, yêu thương như tiếng ru của mẹ, tha thiết như tiếng gọi của quê hương, nghìn năm sau sẽ còn vọng mãi. (Hoài Thanh)

#### **§7. VỢ NHẤT – Kim Lân**

\* **Kiến thức cơ bản**

Kim Lân đã kể chuyện Tràng là một anh nông dân nghèo lại là dân ngụ cư đã lấy vợ trong một năm đôi khủng khiếp nhất. Qua nghịch cảnh này nhà văn cho ta thấy được sự khao khát hạnh phúc, khao khát mái ấm gia đình đã làm cho tình thương của người lao động trở nên đáng quý, và có sức mạnh “*mạnh hơn cái chết!*”.

Ta có thể tìm hiểu chi tiết tiếng cười trong tác phẩm để chia đoạn và phân tích những nét tổng quát nội dung của truyện.

Tiếng cười xuất hiện 23 lần và được thống kê như sau:

(1. Tràng vừa đi vừa tùm tùm cười. 2. Trẻ con reo cười khi thấy Tràng. 3. Tràng cười hềnh hếch. 4. Tràng cười nụ. 5. Tràng bật cười. 6. Một người hàng xóm cười rung rúc khi nghĩ Tràng có vợ. 7. Vợ Tràng tùm tùm cười. 8. Tràng bật cười với vợ. 9. Tràng ngửa cổ cười khanh khách. 10. Hấn phì ra cười. 11. Quay lại nhìn thị cười cười. 12. Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. 13. Tràng vu vợ nhỏ nước bọt, tùm tùm cười một mình. 14. Ắ cười như nấc nẻ. 15. Tràng vuốt mồ hôi cười. 16. Thị liếc mắt cười tút. 17. Người con gái tình tứ cười với mẹ. 18. Tràng toét miệng cười. 19. Hấn cười. 20. Tràng tươi cười với mẹ. 21. Hấn xích lại với vợ cười. 22. Hấn cười khi khi. 23. Người mẹ vẫn tươi cười đơn đả).

Tràng cười 15 lần, vợ y 5 lần, người hàng xóm 1 lần, trẻ con cười 1 lần và bà mẹ 1 lần.

Như vậy tiếng cười chủ yếu xuất phát từ quan hệ trực tiếp của cặp vợ chồng mới lấy nhau (chiếm 18/23 lần). Một lần người hàng xóm cười là để xác nhận sự lạ và tỏ thái độ mỉa mai với vợ chồng Tràng, một lần nữa là mẹ Tràng cười gương gạo để che giấu sự tủi cực và nhục nhã khi “*làm đám cưới*” cho con bằng món “*chè khoai ngon dẻo dẻo*” (như lời bà xác nhận) nhưng thực ra là “*miếng cám đắng chát và ghen ứ ở cổ*”. Một tiếng cười nữa là của bọn trẻ reo hò khi Tràng ngật ngưỡng về, Tràng đáp lại chúng bằng nụ cười hềnh hếch vô duyên. Ba tiếng cười đầu truyện (2 của Tràng và 1 của trẻ con) chỉ muốn nói trong quá khứ Tràng tồn tại như một hình nhân gỗ ngẩn vô ý nghĩa đối với dân làng và đối với chính anh ta.

Trong 14 trang của tác phẩm nếu phân ra hai phần bằng nhau thì số lượng trang cũng đã phản ánh hai phần của truyện.

Bảy trang đầu (7) nói đến sự kiện Tràng “*nhặt*” được vợ trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người và của chính anh ta.

Bảy trang sau (7) nói đến quan hệ giữa Tràng và người vợ mới, quan hệ giữa bà cụ Tứ với người con dâu mới trong ngày đầu của cuộc sống “*tao đoan*” đây người chết đói.

Nụ cười đã giảm nhanh đột ngột từ bảy trang đầu (19 lần) sang bảy trang sau (4 lần)

Theo dõi sự vận động của tiếng cười này ta cũng thấy không khí bi ai, thất thỏm giữa hạnh phúc và cái chết nó không chỉ lẩn vẩn ở trong óc mà đe dọa rất cụ thể trong “*bữa cơm ngày đói*” (thực ra là bữa cỗ cưới xin thịnh soạn nhất mà bà cụ Tứ có thể lo được cho con trai!)

Tình yêu đã làm cho người ta quên hết hiện thực ghê gớm nên ở truyện có tiếng cười. Lấy gì để nuôi sống tình yêu (theo một nghĩa đen trần trụi nhất của từ này) trong hoàn cảnh “*đến cái thân mình chả biết có nuôi nổi không mà còn lại dèo bông?*” (tr.173) thì lại làm cho người ta khó có thể cười được.

Tình yêu đã nở ra nụ cười (7 trang đầu) còn nước mắt nó trào vỡ ra từ cuộc sống đắng cay, khốn khổ (7 trang sau). Đó là nguyên nhân để giải thích kết cấu câu chuyện mất thăng bằng, một đầu là nụ cười và một đầu là tiếng khóc.

Chính kết cấu này mà phần đầu nó “*lãng mạn*” bởi quan hệ lứa đôi chi phối. Tràng thường nhìn, hoặc đối thoại, hoặc say mê với duyên mới mà “*túm túm cười*” như để nhấm nháp hạnh phúc của mình.

(Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tâm tối hàng ngày, *quên cả đôi mắt đang đe dọa, quên cả những ngày tháng trước mặt...* chỉ còn tình nghĩa giữa hấn và một người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man...) (tr. 170)

Còn phần sau tiếng cười ít hơn bởi nhân vật chính là bà cụ Tứ. Bà cụ Tứ với nỗi lòng nặng trĩu ưu tư và gấn nước mắt đã làm cho hiện thực trở lại với thực tế hơn. Không khí câu chuyện thật nặng nề ám ảnh (“*tiếng ai hờ khóc*”... và trong đêm hợp cẩu “*tiếng hờ khóc tí te càng nghe rõ*” mùi đồng rấm...). Những lo toan của người mẹ đã mở ra một tương lai thật ảm đạm.

Tuy xuất hiện rất ít trong bảy trang sau (4 lần) nhưng tiếng cười vẫn được cất lên. Chính lòng nhân ái, cứu mang nhau, chính niềm tin vào những ước mơ rất bình dị của người lao động đã làm cho câu chuyện hừng lên một chút ánh sáng của hi vọng “*may mà qua được cái thời tao đoạn này... yên bề... “rồi con cái... về sau...” hấn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái...*” (tr.175 và 177). Câu chuyện cũng đã hừng lên một chút ánh sáng của bình minh ở câu kết thúc: “*Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phất phới...*”

### **§8. VỢ CHỒNG A PHỦ – Tô Hoài**

#### **\* Lời bình và tư liệu**

- Ở *Vợ chồng A Phủ* nhà văn đã dụng công và thành công trong miêu tả, trong dựng cảnh. Nói cách khác, ông đã thường dựng lên cho bạn đọc thấy được diễn biến tâm lí cùng đời sống nội tâm của nhân vật qua hàng loạt chi tiết bên ngoài như một dáng ngồi, một cách ăn mặc, một vài câu nói, một cái nhìn, một bước đi.. đến một tảng đá hay một ô cửa sổ... khi miêu tả như thế, do đã được nhập vào với số phận của nhân vật, thuộc được hoàn cảnh sống đầy biến động và đổi thay của nhân vật, nhà văn đã định ra được một cách tự nhiên một mạch lời kể chuyện vừa phù hợp với tâm lý riêng của họ, vừa mang sự gãy gọn của ngôn ngữ văn xuôi hiện đại.

*Vợ chồng A Phủ* là truyện ngắn hay viết về một sự đổi đời kì diệu. Như nhiều truyện ngắn có chung tư tưởng chủ đề này. *Vợ chồng A Phủ* cũng có cấu trúc chia đôi rất rõ:

1/ Những ngày ở Hồng Ngài: Mị và A Phủ là người – người xinh tươi, khỏe mạnh, giỏi giang – mà phải sống kiếp nô lệ trâu ngựa khốn khổ ê chề.

2/ Những ngày ở Phiêng Sa: Mị và A Phủ là người sống tự do và đã biết bảo vệ lấy tự do ấy. Tuy nhiên cái hay của truyện là ở chỗ: nhà văn đã chỉ trong chừng 400 chữ, mà dựng lại được một chặng then chốt của toàn bộ sự chuyển hóa ấy, khiến cho bạn đọc dấu khó tính cũng phải nhận rằng: Việc Mị và A Phủ từ đêm đen nô lệ ra vùng ánh sáng tự do là hoàn toàn hợp lý, hợp lẽ tự nhiên... Như vậy là chính lòng thương người và thương thân đã chiến thắng nỗi sợ hãi, đã quyết định hành động tự giải thoát. (*Nguyễn Quốc Luân*)

- Lời nhà văn viết *Truyện Tây Bắc*: Năm 1952, tôi theo bộ đội chủ lực, tiến quân vào miền Tây, tham dự chiến dịch giải phóng Tây Bắc... Cái kết quả lớn nhất và trước nhất của chuyến đi tám tháng ấy là đất nước và con người miền Tây đã để thương để nhớ cho tôi nhiều, không bao giờ quên.

Ý bao quát trong khi tôi viết *Truyện Tây Bắc* là: Nông dân các dân tộc ở Tây Bắc bao năm gian khổ chống đế quốc và bọn chúa đất. Cuộc đấu tranh giai cấp, riêng ở Tây Bắc, mang một sắc thái đặc biệt. Nhìn lướt qua, nơi thế lực phong kiến còn đương kéo lùi đất nước lại hàng trăm năm trước, chúng ta dễ tưởng những cảnh những người ở đấy cứ muồn thủa lặng lẽ. Không, ở nơi rừng núi mờ mông ấy, các dân tộc đã không lặng lẽ chịu đựng. Họ đã thức tỉnh. Cán bộ của Đảng tới đâu thì các dân tộc đứng lên tới đấy, trước nhất là những người trẻ tuổi. Họ thật đẹp và yêu đời.

Một vấn đề khác, đó là những ý thơ trong văn xuôi. Ở mỗi nhân vật và trùm lên tất cả miền Tây, tôi đã đưa vào một không khí vui vẻ, làm cho đất nước và con người bay bổng hơn lên. (*Tô Hoài*)

### **§9. RỪNG XÀ NU – Nguyễn Trung Thành**

#### **\* Lời bình và tư liệu**

- Chính cái khả năng đúc kết đã làm cho Nguyễn Trung Thành, trong phạm vi ngắn gọn của một truyện ngắn, có thể dựng lại một quá trình cuộc sống trong những mảng đậm nhất, gây xúc động nhiều nhất. (*Phong Lê*)

- Truyện ngắn đó của Nguyễn Trung Thành, *Rừng xà nu*, tôi đọc từ ngày nó mới in ra lần đầu, khoảng cũng mười năm rồi. Về sau nghĩ lại, thấy hiện lên rõ nhất là hình ảnh tay Tnú và những trang mở đầu cùng đoạn kết diễn tả cây xà nu. Cái cây và bàn tay, đó là hai điểm tựa cho việc nhớ lại tất cả câu chuyện kể, là hai điểm sáng lớn thu hút các điểm sáng nhỏ nhấp nháy trong óc tôi liên tưởng.

... “*Lửa đã tắt trên mười đầu ngón tay Tnú*”. Nhưng mười ngón đước thịt da đó đã kịp làm mỗi chấm lửa nổi dậy. Sau tiếng thét của Tnú, dân làng bộc phát giết sạch mười tên giặc. (*Nhị Ca*)

- Trở lại Tây Nguyên, với Nguyễn Ngọc, bao điều gợi nhớ. Mười bảy tuổi, vào bộ đội, anh hăm hở lên Tây Nguyên đánh Pháp (ngày ấy, khu 5 Pháp mới chỉ chiếm được Tây Nguyên) với tâm trạng vừa hăng hái yêu nước vừa có chút lãng mạn tiểu tư sản... Anh không lường được hết cái khắc nghiệt của Tây Nguyên: Đồng bào sống còn hoang sơ, ta chưa có một cơ sở nào. Giặc Pháp thì vừa xuyên tạc vừa treo giải ai bắt được bộ đội Kinh, hoặc chặt đầu đem nộp thì được thưởng muối. Anh phải trốn biệt trong rừng, trên nương, học tiếng dân tộc... Sáu tháng ròng rã, anh mới giác ngộ được một bà cụ... Anh thấy đồng bào Tây Nguyên có đời sống tinh thần phong phú, họ rất yêu tự do, trọng danh dự.

(*Theo Đào Khương*)

#### **\* Lời nhà văn:**

Hồi tháng 5 năm 1962, hành quân từ miền Bắc vào, tôi cùng đi với anh Nguyễn Thi... Cũng đi dọc Trường Sơn từ Bắc vào đến điểm chia tay mỗi người về chiến trường của mình là khu rừng bát ngát phía Tây Thừa Thiên giáp Lào. Đó là một khu rừng xà nu tít tắp tận chân trời.

Tôi yêu say mê cây rừng xà nu từ ngày đó. Ấy là một cây hùng vĩ và cao thượng, man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ, ứ nhựa, tán lá vừa thanh nhã vừa rần rỏi mệnh mệnh, tưởng như đã sống tự ngàn đời, còn sống đến ngàn đời sau, từng cây, hàng vạn, hàng triệu cây vô tận. Không khí ở đây thơm lừng...

Tại sao cái đêm giữa năm 1965 ấy, ngồi viết, rừng xà nu lại bỗng đột ngột đến với tôi, chảy ngay ra dưới ngòi bút tôi?

Như vậy đấy, rừng xà nu chột đến. Và lập tức tôi biết tôi đã tạo được không khí, đã có không gian ba chiều rồi. Và cũng lập tức đã nhập được vào không khí và không gian ấy.

... Một truyện ngắn sở dĩ có thể ngắn được là vì sự “chuẩn bị” cho nó phải thật dài.

(*Nguyễn Ngọc*)

### **§10. MÙA LẠC – Nguyễn Khải**

1/ Bằng cảm hứng thế sự – đạo đức, Nguyễn Khải đã kể lại con đường đi của nữ nhân vật chính. Từ một số phận đầy éo le đau khổ, Đào đã tìm thấy hạnh phúc mới trên nông trường Điện Biên nhờ vào chính khát vọng và niềm tin yêu cuộc sống của chị. Nhưng quan trọng hơn là chị đã sống trong môi trường tập thể có những con người biết chia sẻ ngọt bùi; biết quan tâm và tạo điều kiện cho chị tìm được chỗ đứng chân chính để thay đổi cuộc đời mình.

2/ Trong thời kỳ 1955-1964, nhiều tác phẩm đã bám rất sát các phong trào để phản ánh kịp thời các chủ trương chính sách phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Khác với những tác phẩm đó, “*Mùa lạc*” lại khai thác vấn đề lối sống, đạo đức, mối quan hệ của con người và con người trong cuộc sống mới. Nguyễn Khải có đề cập tới hiện thực và những chủ trương chính sách của một thời kỳ nhưng trung tâm sự chú ý của ông vẫn là vấn đề *số phận con người*.

Nhân vật Đào là nhân vật có cá tính, có số phận được xây dựng khá thành công trong “*Mùa lạc*”. Tác giả đã giới thiệu ngoại hình, đã cho ta thấy lai lịch và số phận cũng như cho thấy sự chuyển biến trong tâm lí và trong tính cách của Đào từ khi lên nông trường Điện Biên...

### **§11. ĐẤT NƯỚC – Nguyễn Khoa Điềm**

#### **\* Lời bình:**

Chương *Đất nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm là suy nghĩ và xúc cảm về đất nước dân tộc của cả một thế hệ tuổi trẻ đang đánh Mĩ. Những dòng thơ là dòng cuộn cuộn của tình cảm, cũng là tiếng nói đầy trách nhiệm của tuổi trẻ trước các thế hệ cha ông đã kế tiếp nhau lấy xương máu mình đóng kè giữ lấy núi sông Tổ quốc.

... Tổ quốc được khám phá, nhìn nhận lại trong chiều sâu lịch sử.

... Cảm xúc trong thơ Nguyễn Khoa Điềm không nhẹ nhàng dễ dãi; đó là cảm xúc của lớp trẻ đã thấy nhiều, nghĩ nhiều và cả từng trải nhiều nữa để rồi không còn có thể vô tư giản đơn...

Câu thơ Nguyễn Khoa Điềm thường không câu nệ vào thể thơ và khuôn khổ câu chữ; anh viết phóng khoáng tự nhiên theo mạch tình cảm, mạch suy nghĩ... Ở những bài thơ dài, người ta thấy anh dàn trải – đôi khi rắc rối – khi anh muốn nói cho thật thấu đáo. (*Theo Vũ Tuấn Anh*)

### **§12. SÓNG – Xuân Quỳnh**

#### **\* Lời bình:**

Xuân Quỳnh khi yêu, rất nồng nàn và rất thật. Trước nay có lẽ chưa có người con gái làm thơ nào đã nói lên những lời yêu cháy bỏng, thật và dữ dội như chị – đó chính là nét hiện đại của tâm hồn chị, tâm hồn người phụ nữ thế kỷ XX, dám yêu và dám thổ lộ tất cả...



Tình yêu là sóng – sóng ngầm và sóng trên mặt nước, dữ dội và dịu êm, xa tít và gần gũi, và chỉ có nó, cái đại dương mênh mông ấy, mới có thể sánh được với nỗi khát vọng của lòng yêu.

... Người con gái ấy không có ý định làm một cuộc cách tân thơ, cũng không có ý định trau chuốt nghệ thuật thơ mình, nhưng chị đi trên con đường lớn của thơ, con đường đi từ trái tim và ở lại giữa những trái tim người đời. *(Mai Quốc Liên)*

- ... Xuân Quỳnh từ con người có nhu cầu tự ca hát về tình yêu và cuộc săn đuổi hạnh phúc của mình thành một nhà thơ viết về tình yêu vào loại phong phú nhất trong số các nhà thơ cùng thế hệ.

Gần như chị trở thành nhân vật văn học của chính thơ chị... Vẫn chỉ là mình và người mình yêu đấy thôi, nhưng đó đã như là mơ ước của mình về mình và cho mình.

*(Lại Nguyên Ân)*

- *Sóng* là nơi tập trung nhiều đặc điểm của thơ Xuân Quỳnh. Tình yêu trong thơ Xuân Quỳnh không còn dừng ở mức độ tình yêu buổi đầu đơn giản hò hẹn, non nớt, ngọt ngào mà là tình yêu – hạnh phúc, tình yêu với cuộc sống chung, với nhiều đòi hỏi ở chiều sâu của tình cảm, với nhiều minh chứng của thử thách...

Cấu trúc của bài thơ *Sóng* được xác lập theo cách đan xen hình tượng; *Sóng* – bờ (hai khổ đầu), sau đó em – anh (khổ thứ ba, thứ tư), rồi lại *sóng* – bờ (khổ thứ năm), tiếp đến em – anh (khổ thứ sáu). Rồi lại *sóng* – bờ (khổ thứ bảy) và sau lớp lớp *sóng* đan xen tới lui như vậy, biến lạng dần đi, nhường chỗ cho suy tư xa rộng về cuộc đời, năm tháng, về các quy luật vĩnh hằng của tự nhiên:

*Cuộc đời tuy dài thế  
Năm tháng vẫn đi qua  
Như biển kia dẫu rộng  
Mây vẫn bay về xa*

Để rồi đến ngay khổ thơ kết thúc, hai cặp hình tượng *sóng* – bờ và em – anh giao kết, ở đó tình yêu của thiên nhiên, tình yêu của con người, tình yêu giữa thiên nhiên và con người xuyên thấu vào nhau... *(Phạm Đình An)*

## B. THƠ – BÌNH THƠ

### §1. HÀM MẶC TỬ (1912 – 1940)

Tên thật:	<b>Nguyễn Trọng Trí</b>
Sinh ở	Đồng Hới – Sóng ở Quy Nhơn
Tác phẩm:	Gái quê. Thơ Hàn Mặc Tử . Tuyển tập Hàn Mặc Tử

**Chân dung:** *“Từng phút – anh đến gần cửa huyệt  
Từng phút – anh tan vào cõi thiêng  
Ôm riết từng giây từng nhân ảnh  
Khuôn ngọc tròn trắng, mặt chữ điền  
Thinh sắc đồng trinh nguyên vẹn trắng  
Vẫn còn bên lén lúc quy tiên.*

...  
*Thì tài linh vận vào oan nghiệt  
 Xuân mấy mươi tàn, huyết chứa tan  
 Tâm linh tinh biến trong vô thức  
 Để hồn trang trải nợ trần gian...*

### MÙA XUÂN CHÍN

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan  
 Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng  
 Sột soạt gió trêu tà áo biếc  
 Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.*

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời  
 Bao cô thôn nữ hát trên đồi;  
 - Ngày mai trong đám xuân xanh ấy  
 Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...*

*Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi  
 Hồn hển như lời của nước mây...  
 Thăm thì với ai ngồi dưới trúc  
 Nghe ra ý vị và thơ ngây...*

*Khách xa gặp lúc mùa xuân chín  
 Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng  
 - Chị ấy năm nay còn gánh thóc  
 Dọc bờ sông trắng nắng chang chang*

Nói đến Hàn Mặc Tử không thể không nói đến Mùa xuân chín. Bài thơ như một điểm sáng trên cái nền mộng ảo, say đắm thời kỳ đầu của thơ ông.

Hai câu thơ mở đầu thật trong trẻo. Sau thoáng khói sương ta bước vào một thiên nhiên trinh bạch, có ánh nắng và hương thơm. Thật tài tình với kỹ thuật chấm màu, ông bắt đầu bức tranh:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan  
 Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng*

Cái mái nhà tranh “lấm tấm vàng” kia cái từ ngữ “lấm tấm” kia đã bao lần ta gặp trong đời thường nào mấy ai để ý! Vậy mà khi được đặt vào đúng chỗ, nó bỗng làm câu thơ như bừng dậy, có sắc có hồn. Theo luật viễn cận, Hàn Mặc Tử đưa nét bút vẽ đường chân trời xa tím tấp:

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời*

Đây cũng là một bức tranh quê. Song nó không giống những bức tranh thường được miêu tả trong thơ Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ hay Nguyễn Bính. Với những nhà thơ này, làng quê Việt Nam hiện ra qua bờ tre, ao bèo, đậu mồng tơi, phiên chợ tết... những đối tượng quen thuộc gần như thành ước lệ của một vùng nông thôn Bắc Bộ. Còn cảnh vật ở đây, cái làn sóng cỏ gợn tới trời ấy thì hoang sơ, thoáng rộng quá.

Không biết có cực đoan hay không, song đôi khi để mình bồng bềnh trôi trong khoảng trời thơ nhỏ nhỏ của Hàn Mặc Tử, tôi cứ nghĩ: người làm bài thơ này không thể

không là người của dải đất miền Trung, của cảnh vật miền Trung. Và người đọc, để cảm nhận được sâu sắc những gì ông viết ra trong những dòng thơ này, dù ít cũng nên một lần đến với cái xứ sở đặc biệt những núi đồi, đồng cỏ, ruộng cát, biển khơi đó.

Lữ thơ linh động, uyển chuyển. Mắt ta vừa được thưởng ngoạn cảnh trí xa rộng, thì liền đây tai ta được nghe những âm thanh đồng quê của “bao cô thôn nữ hát trên đồi”. Tiếng ca chưa dứt ý thơ đã lại chuyển vào chiều sâu của tưởng tượng với một tiên đoán bằng khuâng:

*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy  
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...*

Lời thơ gieo vào lòng người một thoáng man mác. Đặt tuổi xuân vào giữa mùa xuân, tác giả như chợt nhận ra, đồng thời khuấy động trong ta ý thức về sự hữu hạn của thời gian. Thành ra câu thơ vừa trân trọng vừa cảm mến mà nuối tiếc...

Đến khổ cuối cùng, chất hào hoa của bài thơ cuốn hút ta say đắm:

*Khách xa gặp lúc mùa xuân chín*

Ngôn ngữ trau chuốt và chọn lọc. Câu thơ vừa mang âm hưởng thơ cổ điển, lại vừa in dấu ấn của các nhà thơ mới lúc bấy giờ. Cùng một lúc nó làm hai nhiệm vụ: đóng khép lại cảnh vật đang hiện diện để quay về với cảnh vật đã từng hiện diện, cảnh vật trong quá khứ. Kết thúc bằng kỷ niệm, hai câu cuối của bài thơ đẹp và mềm mại như một bức tranh lụa Việt Nam:

*- Chị ấy năm nay còn gánh thóc  
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang.*

Hơi thơ tự nhiên, không một chút cố gắng. Dù chỉ đọc một lần, cái hình ảnh bờ sông cát trắng với người chị gánh thóc và ánh nắng chang chang cũng vĩnh viễn đọng lại trong ta.

Bài thơ là một hòa hợp dịu dàng của màu sắc, cảnh vật và âm thanh. Tác giả không dừng lại đặc tả một cái gì, trừ khổ thơ thứ ba. Chỉ điểm qua hoặc đưa nét bút phớt nhẹ, nhà thơ có hai mươi tám tuổi đời ấy đã để lại cho ra một bài thơ về cảnh vật và quê hương Việt Nam một thời đã qua.

## §2. NGUYỄN BÌNH

Quê quán:	Hà Nam Ninh
Tác phẩm thơ:	Lỡ bước sang ngang, Tâm hồn tôi, Hương cố nhân, Mười hai bến nước, Mây tần, Nước giếng thơ, Đêm sao sáng, Tuyển tập Nguyễn Bình.

### Chân dung

① “Hai lần lỡ bước sang ngang  
Thương con bướm đậu trên giàn mồng tơi  
Trăm hoa thân rã cánh rời  
Thôi đành lấy đáy giếng khơi làm mồ”

② “Kìa ai đường nắng mịn mù  
Giắt đầu nắm lá hương như cánh hồng  
Kìa con bướm trắng vẽ vòng

Và hồn trinh nữ ngời hong tơ buồn  
 ... Sừng sờ trước giậu mừng tôi  
 Hỡi người, người đã mấy hồi sang ngang  
 Một đời hệ lụy tràng giang  
 Ba ngày tết, hoa khăn tang ba vòng..."

### NGƯỜI HÀNG XÓM

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi  
 Cách nhau cái giậu mừng tôi xanh rờn  
 Hai người sống giữa cô đơn  
 Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi  
 Giá đừng có giậu mừng tôi  
 Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng  
 Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng  
 Có con bướm trắng thường sang bên này  
 Bướm ơi, bướm hãy vào đây  
 Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi  
 Chả bao giờ thấy nàng cười  
 Nàng hong tơ ướt ra ngoài mát hiên  
 Mắt nàng đăm đăm trông lên  
 Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi  
 Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi  
 Tôi buồn tự hỏi: hay tôi yêu nàng?  
 Không, từ ân ái nhớ nàng  
 Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao!  
 Tơ hong nàng chả cất vào  
 Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang  
 Máy hôm nay chẳng thấy nàng  
 Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong  
 Cái gì như thể nhớ mong?  
 Nhớ nàng, không, quyết là không nhớ nàng  
 Vàng, từ ân ái nhớ nàng  
 Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa  
 Tâm tâm giời cứ đổ mưa  
 Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm!  
 Cô đơn buồn lại thêm buồn  
 Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?  
 Hôm nay mưa đã tạnh rồi  
 Tơ không hong nữa, bướm lười không sang  
 Bên hiên vẫn vắng bóng nàng  
 Rưng rưng tôi gục xuống bàn...rưng rưng..  
 Nhớ con bướm trắng lạ lùng  
 Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng

*Hỡi ơi bướm trắng tơ vàng  
 Mau về mà chịu tang nàng đi thôi  
 Đêm qua nàng đã chết rồi  
 Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng  
 Hồn trinh còn ở trần gian  
 Nhập vào bướm trắng mà sang bên này.*

1940

Hình ảnh “Cô hàng xóm” trong thơ Nguyễn Bính không phải chỉ xuất hiện đôi lần. Cô chăm chỉ cần mẫn “chăn tằm ươm tơ” trong “Đàn tôi”; cô rụt rè e lệ trong “Chờ nhau”; cô hồn nhiên, vô tư trong “Xuân về”. Bên hiên cô hàng xóm – Ngược mắt nhìn giới đôi mắt trong – cô gắn bó thiết tha trong “Hoa với rượu” cô từng khiến nhà thơ “rờn rợn lấm” những ngày “Giời mưa ở Huế”... Nhưng, người hàng xóm này là người gây ấn tượng mạnh nhất, in dấu ấn đậm nhất trong cuộc sống tình cảm của con người “giời bắt làm thi sĩ”.

Hai nhà ở cạnh nhau cách nhau một “giậu mùnng tôi xanh rờn”, gần lắm, ấy vậy mà hình như xa lắm. Vì cái giậu mùnng tôi đã thành một vụn lý tưởng thành ngăn cách hai con người cô đơn.

*Giá đừng có giậu mùnng tôi  
 Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng*

Cái lý do hết sức không đáng tin, nhưng lại xác thực. Vì rằng cả hai người đều muốn khép kín trong cô đơn, muốn khép kín trong nỗi buồn riêng. Họ không có nhu cầu giao tiếp, nhu cầu hưởng ngoại, nên giậu mùnng tôi mới là một trở ngại đến thế. Nhưng định mệnh đưa đẩy cho Nguyễn Bính có mặt ở đây. Thi sĩ của chúng ta vốn đa tình, đa cảm, lẽ nào lại có thể thờ ơ trước người hàng xóm cũng đang trong cảnh cô đơn? Thế là xảy ra sự việc “Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng”. Chiêm bao, chứ còn sao nữa! Nếu không “chiêm bao” người ta chỉ sống với nỗi buồn của chính mình. Không “mơ màng” thì làm sao mà bắt được hình ảnh con bướm trắng nửa thực và nửa mộng kia để trò chuyện, hỏi han. Con bướm bướm trắng trong thơ Nguyễn Bính rất kỳ lạ. Nó có lần từng làm ta ngỡ ngàng:

*Cành dâu cao, là dâu cao  
 Lênh đênh bóng bướm trôi vào mắt em  
 Anh đi đèn sách mười niên  
 Biết rằng bóng bướm có lên kinh thành*

Còn ở đây, nó là kẻ duy nhất bay qua cái đậu mùnng tôi ấy để thấp thoáng nổi một cái cầu mỏng manh. Câu hỏi nhỏ mà thi sĩ hỏi bướm, lời lẽ ân cần vỗ vập cho thấy: thì ra, chẳng biết tự bao giờ chàng đã rất quan tâm đến nàng.

*Chả bao giờ thấy nàng cười  
 Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên  
 Mắt nàng dăm dăm trông lên*

“Chả bao giờ” – Tức là phải quan sát thương xuyên và chăm chú nhiều lắm mới có thể biết như vậy. Thêm nữa, nàng lại không hề “trông sang” hay “trông ngang” mà chỉ “Đăm dăm trông lên”. Điều đó càng tôn thêm phẩm giá của nàng. Những buổi qua lại của bướm trắng, những lần nướn tiếc theo dõi theo “con bướm trắng về bên ấy rồi” làm cho thi sĩ ngỡ ngàng chìm đắm trong mơ mộng để rồi chợt tỉnh:

*“Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi*

*Tôi buồn tự hỏi: hay tôi yêu nàng ?*

Khi đã tỉnh, khi không chiêm bao nữa, con người lý trí đã lạnh lùng xác định:

*Không, từ ái ân nhớ nhàng*

*Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao !*

Vấn đề sẽ dừng ở đấy chăng, nếu không có chuyện “*tơ hong nàng chả cất vào con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang*”. Một ngọn lửa thắm lặng vô tình đã cháy lên những cuộn tơ vàng, làm ấm lại lòng ai tro tàn than lạnh. Vì đâu, làm sao nàng chả cất vào những cuộn tơ kia? Có lẽ vì nàng buồn thêm? Chán nản thêm? Hay có gì đã xảy ra với nàng? Lòng thi sĩ ngổn ngang bao dấu hỏi. Hóa ra không phải người lảng giềng chỉ quan tâm đến tơ, mà chủ yếu là đến người hong tơ. Vì thế nên khi chẳng thấy nàng chàng mới có tơ vàng mà hong, để có cơ ra sân, may chăng thấy nàng cho đỡ nhớ mong. Một lần nữa giấc chiêm bao khựng lại:

*Cái gì như thể nhớ mong ?*

*Nhớ nàng, không, quyết là không nhớ nàng*

Con người càng tỏ vẻ lý trí, càng tỏ vẻ lạnh lùng bao nhiêu thì càng bộc lộ rõ thế yếu bấy nhiêu. Những cơn mưa tiếp theo. Sự tính toán chờ đợi khắc khoải “Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm” nỗi lo âu phấp phỏng “Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi” như những lời tự thú, cho phép ta hiểu cao trào tiếp theo của tình cảm:

*Rừng rừng tôi gục xuống bàn ... rừng rừng*

Tơ vàng, bướm trắng và bóng nàng đã trở thành một biểu tượng bộ ba, là hình ảnh không thể thiếu được trong lòng người “*chiêm bao*”. Nên chỉ khi vắng cả ba, con người ấy đã không chịu nổi, đã gục đổ và bộc lộ tình cảm thật mãnh liệt. Nhưng sau giây phút rưng rưng ấy vẫn thấy một cái gì như mâu thuẫn:

*Nhớ con bướm trắng lạ lùng*

*Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng*

Có thật không nhớ nàng không? phải chăng đây là lời lẽ bối rối lộn xộn của một người tự thú còn cố níu kéo vào quá khứ? Hay đó là chút lý lẽ yếu ớt cuối cùng của con người lý trí đang phải rút lui, nhường chỗ cho con người thật, con người tình cảm? Khó đoán định rạch ròi. Nhưng câu thơ sau đó thì chẳng còn gì để hoài nghi nữa.

*Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng*

Tình yêu đã chiến thắng hoàn toàn, sau bao nhiêu nghi ngờ, sau bao nhiêu băn khoăn, kìm nén; tình yêu đã reo lên khúc khải hoàn trong những giọt nước mắt, trong tiếng nấc nghẹn ngào và lời khẳng định sự thật không chút hồ nghi.

*Hồn trinh còn ở trần gian*

*Nhập vào bướm trắng mà sang bên này*

Lời khấn cầu chân thành của người biết yêu thì muộn. Nhưng đâu muộn, một lần vẫn hơn vĩnh viễn là không. Lời khấn cầu ấy như một lời xin tha thứ cho sự im lặng đáng sợ vô tình đã giết một mối tình. Cả bài thơ là một vở bi kịch nhỏ về phép biện chứng của tâm hồn. Đâu phải chỉ có các nhà văn phương tây mới sành về vấn đề này. Đáng nói đến phép biện chứng của tâm hồn thể hiện trong mối tình đơn phương, u buồn nhưng cao nhã, trong bài thơ lời giản dị nhưng đầy hình ảnh tượng trưng đẹp, và đẹp dân gian và cổ điển.

### **§3. HỮU LOAN (Thanh Hóa)**

**Chân dung:** “*Ôi màu tím hoa sim*”

*Nhộm tím cuộc đời dài đến thế  
Cho đến khi tóc bạc da môi  
Chưa làm được nhà còn bận làm người  
Ngoảnh lại ba mươi năm  
Tím mấy nghìn chiều hoang biển biệt...”*

### MÀU TÍM HOA SIM

*Nàng có ba người anh đi bộ đội  
Những em nàng  
Có em chưa biết nói  
Khi tóc nàng đang xanh*

*Tôi người vệ quốc quân  
Xa gia đình  
Yêu nàng như tình yêu em gái  
Ngày hợp hôn  
nàng không đòi may áo cưới  
Tôi mặc đồ quân nhân  
đôi giấy đình  
bết bùn hành quân  
Nàng cười xinh xinh  
bên anh chống độc đảo*

*Tôi ở đơn vị về  
Cưới nhau xong là đi  
Từ chiến khu xa  
Nhớ về ái ngại  
Lấy chồng thời chiến chinh  
Mấy người đi trở lại  
Lỡ khi mình không về  
thì thương  
người vợ chờ  
bé bỏng chiều quê...  
Nhưng không chết  
Người trai khó lửa  
Mà chết  
Người gái nhỏ hậu phương  
Tôi về  
không gặp nàng  
Má tôi ngồi bên mộ con đầy bóng tối  
Chiếc bình hoa ngày cưới  
thành bình hương  
tàn lạnh vầy quanh  
Tóc nàng xanh xanh  
ngắn chưa đầy búi*

*Em ơi giây phút cuối  
không được nghe nhau nói  
không được nhìn nhau một lần*

*Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím  
Áo nàng màu tím hoa sim  
Ngày xưa  
một mình  
đèn khuya  
bóng nhỏ  
Nàng vá cho chồng  
tấm áo ngày xưa...*

*Một chiều rừng mưa  
Ba người anh trên chiến trường Đông Bắc  
Biết tin em gái mất  
Trước tin em lấy chồng  
Gió sớm thu về rờn rợn nước sông  
Đưa em nhỏ lớn lên  
ngỡ ngàng nhìn ảnh chị  
Khi gió sớm thu về  
cỏ vàng chân mộ chí.*

*Chiều hành quân  
Qua những đôi sim  
những đôi sim dài trong chiều không hết  
Màu tím hoa sim  
tím chiều hoang biển biệt  
Nhìn áo rách vai  
Tôi hát  
trong màu hoa  
“Áo anh sứt chỉ đường tà  
Vợ anh mất sớm, mẹ già chưa khâu...”*

Bài thơ cấu trúc như một truyện ngắn: có mở đầu, có diễn biến, có mâu thuẫn, có kết thúc, kết thúc gợi suy nghĩ thêm... Trong ba bài thơ nổi tiếng viết theo kiểu này. Màu tím hoa sim ra đời sớm hơn, giữa những ngày kháng chiến chống Pháp, cách hôm nay ba mươi chín năm.

Điều giống nhau rất dễ nhìn thấy là ở cả ba bài, người đọc cùng nhận được một thông báo trang trọng và xúc động; đó là câu chuyện tình yêu trong sáng, đẹp đẽ và... đau buồn. Ba người con gái đều chết trong chiến tranh. Nhưng người con gái trong Núi Đôi của Vũ Cao và người con gái trong Quê hương của Giang Nam là liệt sĩ. Còn “người gái nhỏ hậu phương” trong Màu tím hoa sim thì chỉ là vợ bộ đội thôi (phải chăng vì thế mà anh bộ đội của Vũ Cao và của Giang Nam dám công khai khóc người yêu, còn anh bộ đội của Hữu



Loan thì chỉ dám... khóc thầm! Nhưng làm gì có cấp độ tình cảm khác nhau giả dụ đo đếm lượng hóa được) trong tình yêu và nỗi xót thương của ba người trai chiến sĩ ấy?

Trở lại bài thơ “*Màu tím hoa sim*”

Khổ thơ đầu giới thiệu nhân vật chính. Không có gì đặc biệt trong lý lịch. Ba người anh đi bộ đội, trong chiến tranh chuyện ấy bình thường. Có em chưa biết nói, hồi ấy chưa có chủ trương kế hoạch hóa gia đình, nên cũng bình thường. Tóc nàng đang xanh, tất nhiên là như thế, nàng còn trẻ.

Khổ thơ thứ hai, diễn biến hoàn cảnh của nhân vật chính. Có phải vì nàng là em ba anh bộ đội nên đã dễ dàng chấp nhận tình yêu như “tình yêu em gái” của anh vệ quốc quân? Và thế là đời nàng bắt đầu có chuyện. Anh yêu nàng, rồi xin cưới nàng. Đám cưới ngô ngô, nàng dâu không áo mới, chủ rể mặc binh phục, đôi giày đinh còn bết bùn. Nhưng mà vui, hai người cùng vui, lấy nhau hết sức tự nhiên như là hạnh phúc lứa đôi của họ đã được sắp đặt sẵn. Tình yêu thời chiến tranh cũng phải giải quyết nhanh chóng như mọi công việc khác, lấy đâu ra khoảng trống để dành cho những băn khoăn, buồn tủi, giận hờn?

Khổ thơ ba: mâu thuẫn xuất hiện. Yêu nhau rồi cưới nhau, đó là lẽ thường. Nhưng “cưới nhau xong là đi” điều đó trái với lẽ thường trong đời sống con người. Anh bộ đội chấp nhận sự bất bình thường đó và đã dự đoán những điều không tốt lành rất có thể xảy ra đối với người chiến sĩ: hy sinh. Và nghĩ đến phút ấy, anh không thấy tiếc đời, chỉ thương người vợ trẻ “bé bỏng chiều quê”.

Hai khổ thơ tiếp theo: Mâu thuẫn được đẩy đến cao trào. Điều anh lo xảy ra ngược lại dự đoán. Anh hình dung cái ngày vợ anh khóc anh bây giờ không phải thế. Chính anh đang đứng bên mộ vợ, anh thấp hường vào “chiếc bình hoa ngày cưới”, chua xót làm sao!

Thời gian yêu nhau, cưới nhau ở với nhau đều ngắn ngủi, nào đã nói với nhau được gì đâu. Tang tóc, đổ vỡ ập xuống rồi anh chẳng dám mơ ước nàng sống lại, nhưng mà anh cứ tiếc giá như giây phút cuối được nghe nhau nói, được nhìn nhau một lần! Đau đớn, não lòng làm sao: Ai tính được bao nhiêu người đã sa nước mắt khi đọc những câu thơ bình dị như là câu nói thường mà dặng nên sóng gió trong tim?

Những khổ thơ còn lại: mâu thuẫn dần dần được giải tỏa. Người con gái chết đi, kỷ niệm vẫn sống trong tình cảm yêu thương của mọi người. Nét đẹp nhất trong những khổ thơ này là hình ảnh “*Màu tím hoa sim*” cái hình ảnh vừa hư, vừa thực. “Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím – Áo nàng màu tím hoa sim” có thể là thật. Nhưng nàng đã đi xa. Cái biểu tượng “màu sim tím” cứ bám riết lấy ký ức và tình cảm anh vệ quốc quân. Màu tím trong lòng anh, màu tím trong mắt anh, màu tím chung quanh anh, màu tím ngày đêm quấn quít, vương vất bên anh ngay cả trên những chặng đường hành quân! Hư hay là thực đây? Người chiến sĩ làm gì, đi đâu cũng phải theo lệnh, làm sao có thể hành quân qua một đôi sim vào buổi chiều để thả lỏng hoài niệm người thương? Nhưng điều đó có hề chi! Từ ngày người con gái chết đi, con đường nào, quả đồi nào, buổi chiều nào đối với anh chẳng ngập màu sim tím? “*Màu tím hoa sim*” là kỷ vật thiêng liêng duy nhất nàng để lại cho anh. Anh mang nó đi suốt không gian, đi suốt thời gian “những đôi sim dài trong chiều không hết”... Và trong khung cảnh hư ảo đó, người chiến sĩ cất tiếng hát “hát trong màu hoa”

*Tôi hát*

*trong màu hoa*

Ý thơ đặc địa quá! Lời thơ điêu luyện tài hoa quá! Tạo nên chất thơ mơ mộng và huyền diệu quá! Hèn chi mà khi nói chuyện với Hữu Loan, Hoàng Tiên đã phải thốt lên “ngôn trung hữu quý” (trong lời thơ có quý thần). Là để nói lên sức quyến rũ của câu thơ này.

Trong cái đau buồn cũng có cái may, không biết ai đã triết lý như vậy. Vũ Cao và Giang Nam đã hóa thân thành người chiến sĩ mất người yêu rất tài tình. Cờ Hữu Loan không phải nhập vai ai cả, anh khóc chính người vợ “bé bỏng chiều quê” của anh. Anh suy nghĩ ấp ủ một năm và viết trong hai tiếng. Khi anh đang còn phải giữ “bí mật” bài thơ (vì đang dự lớp học tập phê bình) thì mẹ vợ anh đã biết, bà hỏi: “Anh làm thơ khóc con Ninh phải không?”

Tình cảm chân thực của bài thơ chấn động tâm hồn người đọc. Tài nhất là có những câu thơ, ý thơ rất hào hoa, nếu chẻ hoe ra thì có thể bắt bẻ là không thật, không đúng, là tiểu tư sản lãng mạn v.v... nhưng mà người đọc vẫn tin, vẫn nhớ, vẫn thương cảm người con gái đã khuất như thương người thân của mình. Ngót bốn mươi năm tình thương ấy vẫn còn nguyên vẹn. Bài thơ vẫn nằm trong ba lô, trong sổ tay của nhiều thế hệ. Bài thơ được phổ nhạc, được xuất bản ở nước Anh cùng với Chinh phụ ngâm. Ý nghĩa nhân văn của bài thơ làm nên sức mạnh trường tồn.

#### §4. VŨ CAO

Tên thật:	<b>Vũ Hữu Thịnh</b>
Năm sinh:	1922
Quê quán:	Hà Nam Ninh
Tác phẩm thơ:	Sớm nay Đèo Trúc

**Chân dung** : “Sớm nay nhấp một chén khà  
 Bâng khuâng tự hỏi đâu là núi đôi  
 Những người cùng làng với tôi  
 Muốn sang đèo Trúc, muộn rồi đừng say”

#### NÚI ĐÔI

Bảy năm về trước em mười bảy  
 Anh mới đôi mươi trẻ nhất làng  
 Xuân Dục, Đồi Đông hai cánh lúa  
 Bữa thì em tới bữa anh sang

Lối ta đi giữa hai sườn núi  
 Đôi ngọn nên làng gọi Núi Đôi  
 Em vẫn đùa anh sao khéo thế  
 Núi chồng núi vợ đứng song đôi

Bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới  
 Ngõ chùa, cháy đỏ những thân cau  
 Mới ngỡ lời thôi đành lối hẹn  
 Đâu ngờ từ đó mất tin nhau

*Anh vào bộ đội lên Đông Bắc  
Chiến đấu quên mình năm lại năm  
Mỗi bận dân công về lại hỏi  
Ai người Xuân Dục, Núi Đồi chẳng?*

*Anh nghĩ quê mình giặc chiếm rồi  
Trăm nghìn căm uất bao giờ nguôi  
Mỗi tin súng nổ vùng đai địch  
Sương trắng người đi lại nhớ người*

*Đông đội có nhau thường nhắc nhở  
Trung du làng nước vẫn chờ trông  
Núi Đồi bớt dựng kê ba xóm  
Em vẫn đi về những bến sông?*

*Náo nức bao nhiêu ngày trở lại  
Lệnh trên ngừng bắn anh về xuôi  
Hành quân qua tắt đường ngang huyện  
Anh ghé thăm nhà thăm Núi Đồi*

*Mới đến đâu ao tin sét đánh  
Giặc giết em rồi dưới gốc thông  
Giữa đêm bộ đội vây đồn Thửa  
Em sống trung thành, chết chủ chung*

*Anh ngược nhìn lên hai dốc núi  
Hàng thông, bờ cỏ, con đường quen  
Nắng lụi bóng dưng mờ bóng khói  
Núi vẫn đôi mà anh mất em!*

*Dân chợ Phù Linh ai cũng bảo  
Em còn trẻ lắm nhất làng trong  
Mấy năm cô ấy làm du kích  
Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng?*

*Từ núi qua thôn đường nghẽn lối  
Xuân Dục Đoài Đông cỏ ngút đầy  
Sân biển thành ao nhà đổ chái  
Ngổn ngang bờ bụi cánh dơi bay.*

*Cha mẹ điu nhau về nhận đất  
Tóc bạc thương từ mỗi gốc cau  
Nửa giang nửa mái lều che tạm  
Sương nắng khuây dần chuyện xót đau.*

*Anh nghe có tiếng người qua chợ  
Ta gắng, mùa sau lúa sẽ nhiều*

*Ruộng thắm mở hôi từng nhát cuốc  
Làng ta rồi đẹp biết bao nhiêu!*

*Nhưng núi còn kia anh vẫn nhớ  
Oán thù còn đó, anh còn đây  
Ở đâu cô gái làng Xuân Dục  
Đã chết vì dân giữa đất này?*

*Ai biết tên em thành liệt sĩ  
Bên những hàng bia trắng giữa đồng  
Nhớ nhau anh gọi: em, đồng chí  
Một tấm lòng trong vạn tấm lòng*

*Anh đi bộ đội sao trên mũ  
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường  
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi  
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm*

1956

Bài thơ mở đầu bằng cách xác lập một tương quan cân xứng:

*Bảy năm về trước em mười bảy  
Anh mới đôi mươi trẻ nhất làng  
Xuân Dục, Đoàn Đông hai cánh lúa  
Bữa thì em tới bữa anh sang  
Lối ta đi giữa hai sườn núi  
Đôi ngọn nên làng gọi Núi Đôi...*

Hai cánh đồng, hai ngọn núi, hai con người trẻ tuổi, hai tâm hồn hòa hợp với nhau... Để giới thiệu khung cảnh cho một câu chuyện dài, viết như thế có thể nói là rất cô đọng: có đủ nhân vật và quan hệ, không gian và thời gian... Bảy năm về trước (so với thời điểm náo nức bao nhiêu ngày trở lại) – như vậy thì đây là khung cảnh của một, hai năm đầu sau cách mạng Tháng Tám, một cuộc đời mới đang bắt đầu. Cái tên của thôn làng quê hương nghe vang lên một âm hưởng ngọt ngào mới mẻ, và những đồng lúa chừng như đã thoảng thơm một làn hương no ấm mong chờ. Sau một cuộc nổi dậy lay trời chuyển đất, một tương quan mới đã được xác lập, và trên cơ sở của mối tương quan mới này, đã bắt đầu có thể nói tới hạnh phúc...

Khung cảnh mở đầu bài thơ thật đẹp, thật đáng mơ ước! Tuy nhiên, lắng kỹ mà xem, trong những câu thơ ấy, ta vẫn thoảng nhận thấy phấp phồng một chút gì lo lắng. Đây là khoảnh khắc thanh bình tạm thời, trước một cơn giông tố mới. Bởi vì bỗng cuối mùa chiêm quân giặc tới. Và thế là hai nhân vật của bài thơ mới ngỏ lời thối, đành lối hẹn – Đầu ngừ từ đó bặt tin nhau...

Anh vào bộ đội, lên đồng bắc... - Người nông dân tiếp tục chặng đường cách mạng mới này một cách hết sức tự nhiên: đó là một nhu cầu nội tại của họ. Làm sao có thể từ bỏ ước mơ hạnh phúc đẹp đẽ mà Cách mạng vừa đem lại để quay về cuộc đời nô lệ ngày xưa!

Anh đi, chiến đấu quên mình năm lại năm, hy vọng một ngày kia, ngày trở lại.  
Nhưng cô gái đã hy sinh.

*Anh ngược nhìn lên hai dốc núi  
Hàng thông, bờ cỏ, con đường quen  
Nắng lụi bóng dưng mờ bóng khói  
Núi vẫn đôi mà anh mất em!*

Tương quan cân xứng ban đầu đã bị phá vỡ. Anh ngược nhìn lên hai dốc núi – câu thơ gợi cảm có một cái gì đang bị trượt xuống mãi, và cái tiếng nấc thẳm lặng sau chữ mà như cắt đôi câu thơ bảy chữ. Núi vẫn đôi – mà – anh mất em. Người đọc lo lắng cho nhân vật, tình cảm của anh mơ hồ có thể chìm đắm trong sự mất mát này...

Nhưng không, bài thơ đã mở ra một hướng mới:

*Dân chợ Phù Linh ai cũng bảo  
Em còn trẻ lắm nhất làng trong  
Mấy năm cô ấy làm du kích  
Không hiểu vì sao chẳng lấy chồng?*

Cái câu trẻ lắm, nhất làng trong ngày xưa hai người thường thú vị khoe với nhau, nay người ngoài vô tình động đến, anh nghe nhói trong lòng. Mặc dù thế, chúng ta có thể ghi nhận là: người bộ đội này đã không ở một mình, trong nỗi đau thương nữa. Anh bắt đầu làm chủ được nỗi đau, và – quan trọng hơn – anh đã hòa nhập lại vào không khí chung của quê hương sau những ngày đánh giặc. Chính lúc ấy, anh mới nhận thấy rằng: Cô gái không phải chỉ riêng anh, mà còn là của tất cả dân làng. Sự mất mát này là một tổn thất chung. Chính bà con lối xóm đã đem lại cho anh một cách nhìn nhận mới về người yêu: Em sống trung thành, chết chung thủy. Từ cách nhìn nhận mới này, tình cảm của anh mở rộng thêm, để tiếp nhận cả những đau thương mất mát không phải chỉ của riêng mình:

*Từ núi qua thôn đường nghẽn lối  
Xuân Dục Đồi Đông cỏ ngút đầy  
Sân biển thành ao nhà đổ chái  
Ngổn ngang bờ bụi cánh dơi bay.*

Đồng thời anh cũng tiếp nhận được một tình cảm mới, một hy vọng mới, một sự phấn đấu mới, một niềm tin mới:

*Anh nghe có tiếng người qua chợ  
Ta gắng, mùa sau lúa sẽ nhiều  
Ruộng thắm mỡ hơi từng nhát cuốc  
Làng ta rồi đẹp biết bao nhiêu!*

Tất cả những điều đó đã làm cho bài thơ vượt lên, đạt tới một thế cân bằng mới.

*Anh đi bộ đội sao trên mũ  
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường  
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi  
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm*

Đoạn thơ cuối này vang những âm hưởng rần rỏi, trang nghiêm, đầy nghị lực – tiếng nói của một con người mới về chất so với chàng trai tuổi đôi mươi của bảy năm về trước.

Anh vào bộ đội lên đồng bắc – đó là một giai đoạn, giai đoạn ấy còn mang nhiều tính chất tự phát. Chàng trai nông dân mặc áo lính đã trải qua một quá trình rèn luyện, nhận thức. Trong quá trình đó, đặc biệt đáng chú ý là những giờ phút này:

*Đồng đội có nhau thương nhắc nhở*

*Trung du làng nước vẫn chờ trông...*

Người lính nông dân trong bài thơ, từ chỗ Mấy bạn dân công về lại hỏi – Ai người Xuân Dục Núi Đồi chăng? Đến chỗ Mỗi tin súng nổ vùng đai địch – Sương trắng người đi lại nhớ người, và đến chỗ cùng với đồng đội đã ý thức về một khái niệm rộng lớn hơn: Trung du làng nước. Như một tình cờ, ba đoạn thơ đứng liền nhau trong bài đã cho ta thấy sự quan tâm của người bộ đội này ngày càng mở rộng dần, ra ngoài sự quan tâm đối với một thôn làng cụ thể của mình. Chính quá trình chuyển hóa đó đã tạo ra một tiền đề để có thể vượt qua được những đau thương mất mát của riêng mình hòa nhập với thể đi lên chung của cả quê hương đất nước, của cách mạng. Từ chỗ vào bộ đội, bây giờ là:

*Anh đi bộ đội sao trên mũ*

*Mãi mãi là sao sáng dẫn đường*

Ở đây, chúng ta thấy xuất hiện một con người mới: từ giai đoạn còn mang nhiều tính chất tự phát, người lính nông dân đã bước sang giai đoạn tự giác, và từ đó anh chính thức là một người chiến sĩ cách mạng. Ngôi sao trên mũ trở thành một biểu tượng của lý tưởng mãi mãi là sao sáng dẫn đường.

#### **§5. T.T.Kh và HAI SẮC HOA TY GÔN**

*Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn*

*Nhật cánh hoa rơi chẳng thấy buồn*

*Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc*

*Tôi chờ người đến với yêu đương*

*Người ấy thường hay ngắm lạnh lùng*

*Dài đường xa vút bóng chiều phong*

*Và phương trời thăm mờ sương, cát*

*Tay vút dây hoa trắng cạnh lòng*

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi*

*Thở dài trong lúc thấy tôi vui*

*Bảo rằng: “Hoa, đáng như tim vỡ,*

*Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!”*

*Thờ đó nào tôi đã hiểu gì*

*Cánh hoa tan tác của sinh ly*

*Cho nên cười đáp: “màu hoa trắng*

*Là chút lòng trong chẳng biển suy”*

*Đâu biết lần đi một lữ làng*

*Dưới thời gian khổ chết yêu đương*

*Người xa xăm quá! – Tôi buồn lắm*

*Trong một ngày vui pháo nhuộm đường...*

*Từ đấy, thu rồi, thu lại thu  
Lòng tôi còn giá đến bao giờ?  
Chông tôi vẫn biết tôi thương nhớ  
Người ấy cho nên vẫn hững hờ*

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời  
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi  
Mà từng thu chết, từng thu chết  
Vẫn giấu trong tim bóng “một người”*

*Buồn quá hôm nay xem tiểu thuyết  
Thấy ai cũng ví cánh hoa xua  
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ  
Và đỏ như màu máu thấm pha!*

*Tôi nhớ lời người bảo với tôi  
Một mùa thu trước rất xa xôi  
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã  
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi!*

*Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ  
Chiều thu, hoa đỏ rụng... chiều thu  
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng  
Người ấy ngang sông đứng ngóng dò.*

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng  
Trời ơi! Người ấy có buồn không?  
Có thăm nghĩ tới loài hoa... vỡ  
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng?*

(Tiểu thuyết thứ bảy số 179, 30-10-1937)

**Lời chú:** Vào ngày 27/ 9/1937, trên tuần báo tiểu thuyết thứ bảy số 174 xuất bản tại Hà Nội có đăng một tiểu thuyết tựa tựa đề “Hoa ty-gôn”, tác giả là ông Thanh Châu. Nội dung kể lại mối tình ngang trái giữa một chàng nghệ sĩ và nàng thiếu nữ. Câu chuyện gợi lại mối xúc cảm đến tình xưa của người thiếu phụ từng yêu một người và đã trao lời gắn bó dưới đàn hoa ty-gôn. Nhưng rồi chàng trai ra đi: nàng ở lại, nhận một cuộc hôn nhân gượng ép. Tiếng lòng nàng được ghi lại thành tiếng thơ như để giải tỏa niềm tâm sự.

Sau khi báo phát hành chẳng bao lâu, toà soạn nhận được của người thiếu phụ trạc hai mươi tuổi, hình dáng nhỏ bé, vẻ thùy mị, nét mặt u buồn, mang đến một phong bì dán kín gửi cho ông chủ bút, trong ấy chỉ gọn có bài thơ “Hai sắc hoa ty-gôn”, dưới ký tên T.T.Kh.

Khi thiếu phụ đi rồi, toà soạn xem thơ, nhận thấy thi phẩm ghi lại cảnh tình đáng thương tâm nhưng người ta chỉ nhớ lơ mơ hình ảnh người thiếu phụ. Có thể nói đây là lần thứ nhất thiếu phụ xuất hiện và cũng là lần cuối cùng. Rồi từ đó khóa chặt tung tích “người con gái vườn Thanh”.

Bài thơ “Hai sắc hoa ty-gôn” chính thức chào đời vào cuối năm 1937. Sau khi bài thơ này được đăng báo, tòa soạn Tiểu thuyết thứ bảy lại nhận được bằng đường bưu cục các tác phẩm khác cũng mang tên T.T.Kh. Đó là các bài: bài thơ thứ nhất; Đan áo cho chồng; Bài thơ cuối cùng. Cũng không hiểu sau “Hai sắc hoa ty-gôn” lại xuất hiện trước “Bài thơ thứ nhất”.

Sự nghiệp thi ca của T.T.Kh vốn vẹn có 4 bài thơ nhưng đã làm dư luận thời ấy xôn xao bàn tán không ít.

### **§6. Kết cấu nghệ thuật của bài thơ “LÁ ĐIỀU BÔNG”**

*Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng*

*Chị thẩn thơ đi tìm*

*Đồng chiều*

*Cưỡng già*

*Chị bảo*

*- Đứa nào tìm được lá Điều Bông*

*Từ nay ta gọi là chồng*

*Hai ngày em tìm thấy lá*

*Chị chau mày*

*- Đâu phải lá Điều Bông*

*Mùa đông sau em tìm thấy lá*

*Chị lắc đầu*

*trông nắng vãn bên sông*

*Ngày cưới chị*

*Em tìm thấy lá*

*Chị cười xe chỉ ẩm trôn kim*

*Chị ba con*

*Em tìm thấy lá*

*Xòe tay phủ mặt chị không nhìn*

*Từ buổi ấy*

*Em cầm chiếc lá*

*Đi đâu non cuối bể*

*Gió quê vì vút gọi*

*Điều Bông hỡi!...*

*... ơi Điều Bông!...*

#### **Hoàng Cầm**

(Rút trong tập “Mưa Thuận Thành”)

Bố cục bài thơ khá đơn giản: chị đi tìm. Em đi tìm.. Kết cấu nghệ thuật xem ra lại độc đáo. Giữa hai cuộc tìm luôn ẩn hiện một chiếc lá Điều Bông. Hư ảo và hiện thực. Cũng là một cái cố, mà cố chị là để chối từ, với em lại là để bước tới.

Duyên dáng và kiêu sa với nếp váy Đình Bảng buông chùng cửa võng. Cô gái Kinh Bắc được gọi bằng “chị” ấy thẩn thơ tìm gì? Còn có gì khác hơn là tình yêu, hạnh phúc mà tự lại là hình bóng người tình lý tưởng của mình! Với chị, đó là cái đẹp cần hương



tới. Tiếc thay, trước mắt chị chỉ là Đông chiều – Cuồng giã, một khoảng hư không trống vắng, vô vọng.

Rồi chị thách: “Đứa nào tìm được lá Diêu Bông. Từ nay ta gọi là chồng”. Chị gọi là đứa, chị xưng là ta! Chị chối từ hay đùa cợt? Nhận lời thách hoang tưởng ấy, lá Diêu Bông khác nào “Voi chín ngà... gà chín cựa, ngựa chín hồng mao...” Sơn Tinh là thần, Sơn Tinh tìm được, đứa kia là người, thậm chí một chú “chíp hời”, làm sao mà tìm nổi!

Thế là cuộc tìm kiếm của em chính thức bắt đầu, lẳng lặng mà ráo riết, mà bền bỉ dẻo dai. Bởi vì, người đẹp lý tưởng của em chính là chị! Bị kịch cũng bắt đầu từ đó. Giữa chị và em có một bức tường trong suốt, lạnh lùng. Hiện hiện đó thôi mà quá tầm tay với. Mặc lòng, đã là khát vọng em chấp nhận mọi giá trị để vươn tới, vươn tới cùng. Chiếc “diêu lá” chị nêu ra tưởng để chối từ một cách chắc ăn nhất, lại là cơ may cho em có để tiếp cận chị một cách “hợp pháp” nhất.

Từ sốt sắng, “hai ngày sau” đến tái hồi “mùa đông sau” từ oái oăm “ngày cưới chị” đến tàn tạ héo mòn “chị ba con”, em vẫn đeo đuổi, bám riết. Chị “chau mày” kháo khỉnh, chị “lắc đầu” thờ ơ, chị “cười” quay lưng an phận, chị “xòe tay phủ mặt” ai điếu khâm niệm thời son trẻ của mình... mặc, không gì dừng được tình cảm em tha thiết chị. “Đành lòng vậy, cầm lòng vậy?” như khối tình mang xuống tuyến đài chưa tan, nó không hề tan trong những chiều Diêu Bông, nó sẽ nhập hồn vào gió què mà cất lên cái tiếng kêu bặt gió u ẩn của mình... Khối tình ấy, cũng đã quặn lên trong một bài thơ khác, bài “Quả vườn ổi”:

*Lẻo dẻo em đi vườn mai sau*

*Cúi nhặt chiều mưa dầm quả rụng*

Ái đã nói “chờ đợi là một điều khủng khiếp, nhưng không có gì để chờ đợi lại càng khủng khiếp hơn ngàn vạn lần”. Người em gần như linh nghiệm với vế thứ nhất, còn chị, oái oăm thay đã vận vào vế thứ hai. Chị cũng tìm, mà cuộc kiếm tìm của chị mấy ai ngó ngang. Chỉ có nỗi đau nhói lòng – Nỗi đau không cất nổi thành lời như em. Chị như con chim tắt tiếng, chỉ biết “cau mày”, “lắc đầu”, “phủ mặt”. Chị làm gì có cái để chờ đợi, hưởng tới! Đến tuổi thì chị đành đến với một người chị gọi là chồng và tìm lấy những niềm vui “chỉ ẩm tròn kim”, thế thôi. Em cầm chiếc lá xoay quanh chị, với em là mảnh hy vọng, với chị là dao cứa lòng. Một bi kịch ngược chiều! “Xòe tay che mặt chị không nhìn” phải chăng là một cách trốn chạy thực tế; là sự đau xót đến tận cùng của thân phận...

Kiểm tìm hay đuổi bắt, kể càng đến gần người càng lùi xa... Mỗi đời người đều hưởng tới người lý tưởng, có người không tìm thấy, có người đã thấy nhưng dường như số phận không dành cho mình. Đau nhất là, do một ngẫu nhiên mù quáng nào đó của định mệnh, hai người kia lại bị ghép thành một cặp!... Cuộc kiếm tìm, đuổi bắt sẽ vĩnh viễn đau thương!

Có phải đó là một lý do khiến “Lá Diêu Bông” cứ khắc khoải xanh nơi đáy lòng của mỗi người đã từng yêu dấu, từng kỳ vọng khát khao!

### **§7. QUANG DŨNG**

#### **MẮT NGƯỜI SƠN TÂY**

*Em ở thành Sơn chạy giặc về*

*Tôi từ chinh chiến cũng ra đi  
Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt  
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì*

*Vàng trán em mang trời quê hương  
Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương  
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm  
Em có bao ngày em nhớ thương?...*

*Mẹ tôi em có gặp đâu không  
Những xác gà nua ngập cánh đồng  
Tôi cũng có thằng con bé dại  
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông.*

*Từ độ thu về hoang bóng giặc  
Điều tàn ôi lại nổi điều tàn!  
Đất đá ong khô nhiều gấn lẹ  
Em có bao giờ lẹ chứa chan?*

*Đôi mắt người Sơn Tây  
U ẩn chiều lưu lạc  
Buồn viễn xứ khôn khuây*

*Tôi gửi niềm nhớ thương  
Em mang giùm tôi nhé  
Ngày trở lại quê hương  
Khúc hoan ca rớm lệ*

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn  
Về núi Sài Sơn ngó lúa vàng  
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc  
Sáo diều khuya khoát thổi đêm trăng.*

*Bao giờ tôi gặp em lần nữa  
Chắc đã thanh bình rộn tiếng ca  
Đã hết sắc mùa chinh chiến cũ  
Còn có bao giờ em nhớ ta?*

1949

\* \* \*